

ĐẦU TƯ THEO NGÀNH: DẦU KHÍ

1. Danh mục đầu tư* giai đoạn 03/2024 - 06/2024

Mã CK	Tỷ trọng	Giá mua	Giá chờ mua	Lợi nhuận kỳ vọng **
PVS	41,61%	36.500		
PVD	58,39%	30.500		
Danh mục	100%			17,57%

*Trong 5 cổ phiếu được lựa chọn theo giá trị vốn hóa, tỷ trọng GAS, BSR, PLX gần 0% theo mô hình Markowitz

**Lợi nhuận kỳ vọng ước tính theo phương pháp phân tích kỹ thuật

2. Rủi ro

- Rủi ro tập trung khi chỉ đầu tư vào 01 ngành
- Rủi ro thị trường cao khi cổ phiếu ngành dầu khí có tương quan cao với thị trường.

Rủi ro



3. Đối tượng phù hợp

- NĐT ưa thích một ngành cụ thể.
- Chỉ tập trung vào lợi nhuận, ít quan tâm đến rủi ro.

Phân loại nhà đầu tư



Phương pháp luận

Báo cáo danh mục đầu tư theo một ngành được xây dựng theo các tiêu chí sau:

- **Tiêu chí lựa chọn cổ phiếu:** Nhóm cổ phiếu có vốn hóa cao nhất ngành, thanh khoản bình quân 250 phiên trên 10.000 cổ phiếu.
- **Số lượng cổ phiếu trong danh mục:** Lựa chọn tối đa 6 cổ phiếu. Số lượng phụ thuộc vào mức độ tập trung của từng ngành, số lượng giảm xuống đối với ngành có mức độ tập trung cao.

Độ tập trung (mô phỏng theo phương pháp tính chỉ số HHI)

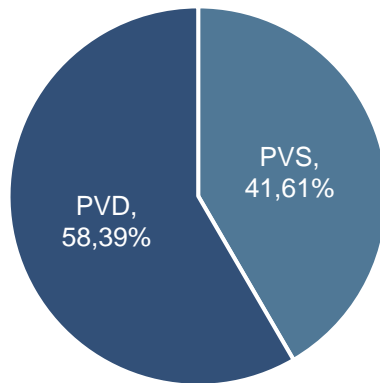
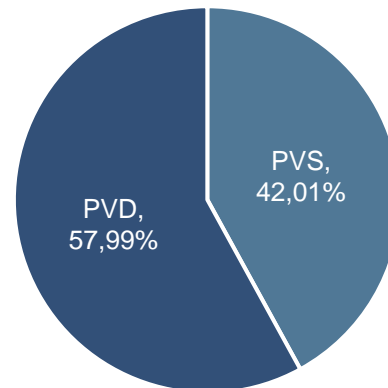
$$= \sum \left(\frac{\text{Vốn hóa cổ phiếu } i}{\text{Vốn hóa toàn ngành}} \right)^2$$

- **Tỷ trọng cổ phiếu:** Phân bổ tỷ trọng các cổ phiếu được lựa chọn để tạo ra danh mục cổ phiếu có hệ số Sharpe kỳ vọng lớn nhất, theo lý thuyết Markowitz. Biến động và tương quan của các cổ phiếu trong quá khứ được sử dụng để xác định lợi nhuận và rủi ro kỳ vọng của từng cổ phiếu cũng như danh mục.
- **Theo dõi và cập nhật danh mục:** Vùng giá chờ mua được xác định dựa trên phân tích kỹ thuật, hoặc phân tích cơ bản. Danh mục được tái cơ cấu (1) sau mỗi 6 tháng; (2) khi cổ phiếu chạm đến mức giá chờ mua; hoặc (3) có sự kiện bất thường ảnh hưởng tới cổ phiếu trong danh mục. Lợi nhuận và rủi ro của danh mục cũng được đánh giá trong các kỳ nói trên.
- **Danh mục tiêu chuẩn:** Bao gồm tất cả các cổ phiếu trong ngành cấp 4 được phân loại theo tiêu chuẩn GICS và điều chỉnh bởi FPT.

Chi tiết cổ phiếu khuyến nghị
Các chỉ tiêu tài chính của cổ phiếu

Mã CP	Giá trị vốn hóa (tỷ đồng)	Thay đổi giá (ytd)	Tăng trưởng LNST	Biên lợi nhuận gộp	D/E	ROE	P/E
PVS	17.302	-4,47%	-45,9%	5,57%	0,97	6,80%	19,91x
PVD	16.815	6,89%	264,1%	22,79%	0,45	3,73%	27,27x

Nguồn: BCTC quý 4/2023

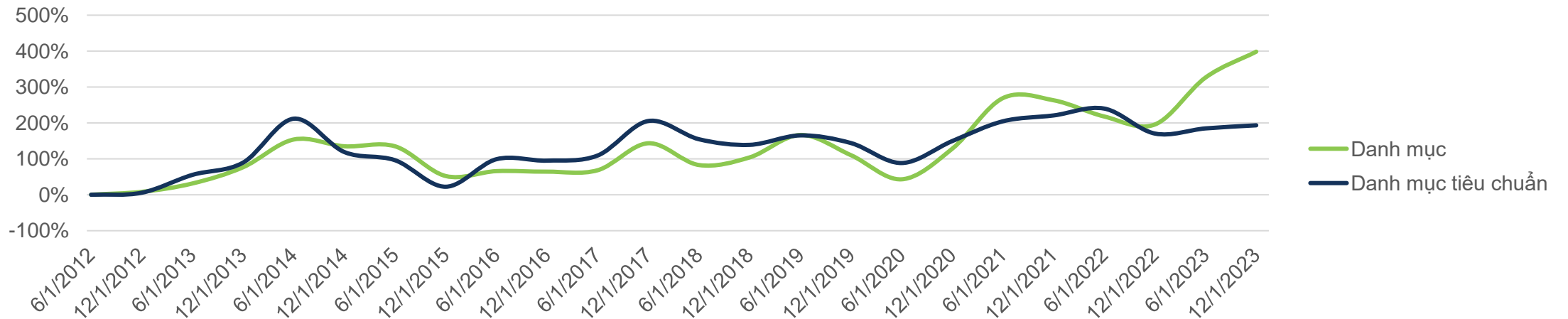
Tỷ trọng giá trị danh mục

Tỷ trọng đóng góp rủi ro

Hệ số tương quan

	PVS	PVD
PVS	1	0,86
PVD	0,86	1

Kết quả backtest
☐ Tổng hợp

Thống kê kết quả backtest các kỳ nghiên cứu từ 28/12/2012 đến 31/12/2023, chỉ số Sharpe vượt trội so với Danh mục tiêu chuẩn. Lợi nhuận kép đạt được gần 399% cao hơn so với mức tăng 193% của danh mục tiêu chuẩn.

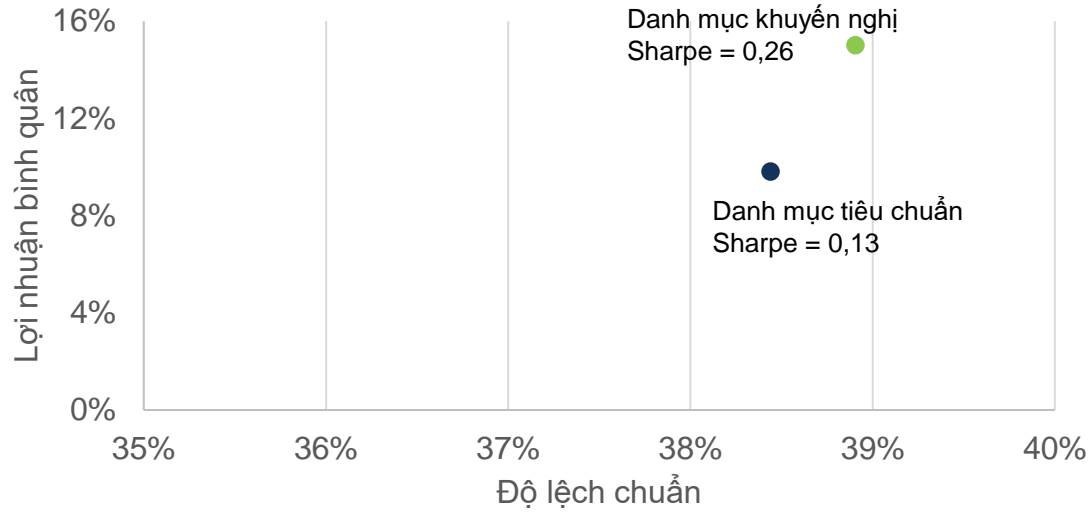
	Danh mục	Danh mục tiêu chuẩn – ngành Dầu khí	Chênh lệch (%)
Lợi nhuận bình quân hàng năm	15,00%	9,81%	4,72%
Độ lệch chuẩn hàng năm	38,91%	38,44%	29,84%*
Beta	1,57	1,31	
Hệ số Sharpe	0,26	0,13	0,16**
Capture ratio	1,32		

Lợi nhuận kép của danh mục khuyến nghị và tiêu chuẩn


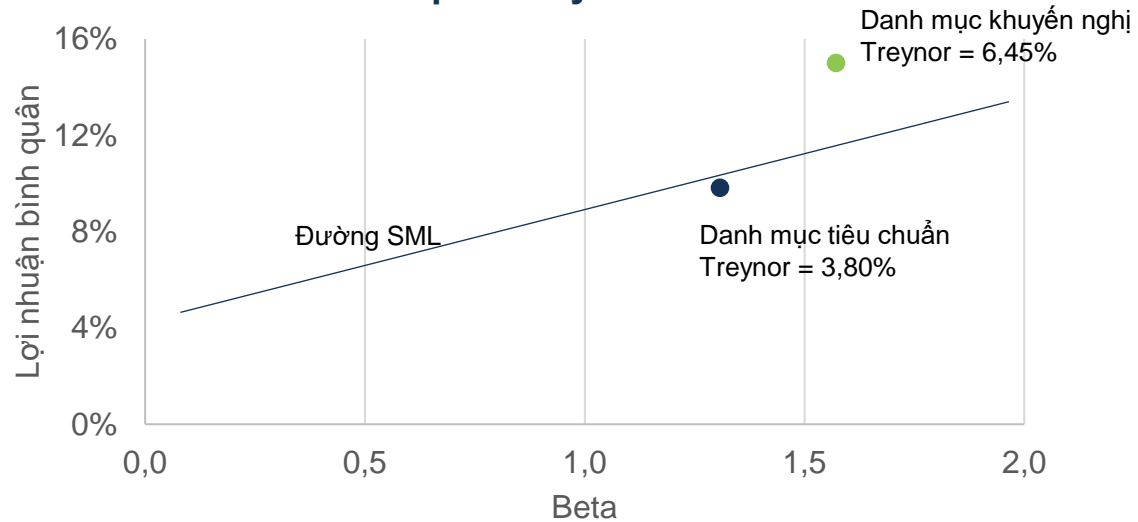
*Rủi ro chủ động (active risk)
 **Hệ số Information (Information ratio)

Thông tin chi tiết danh mục

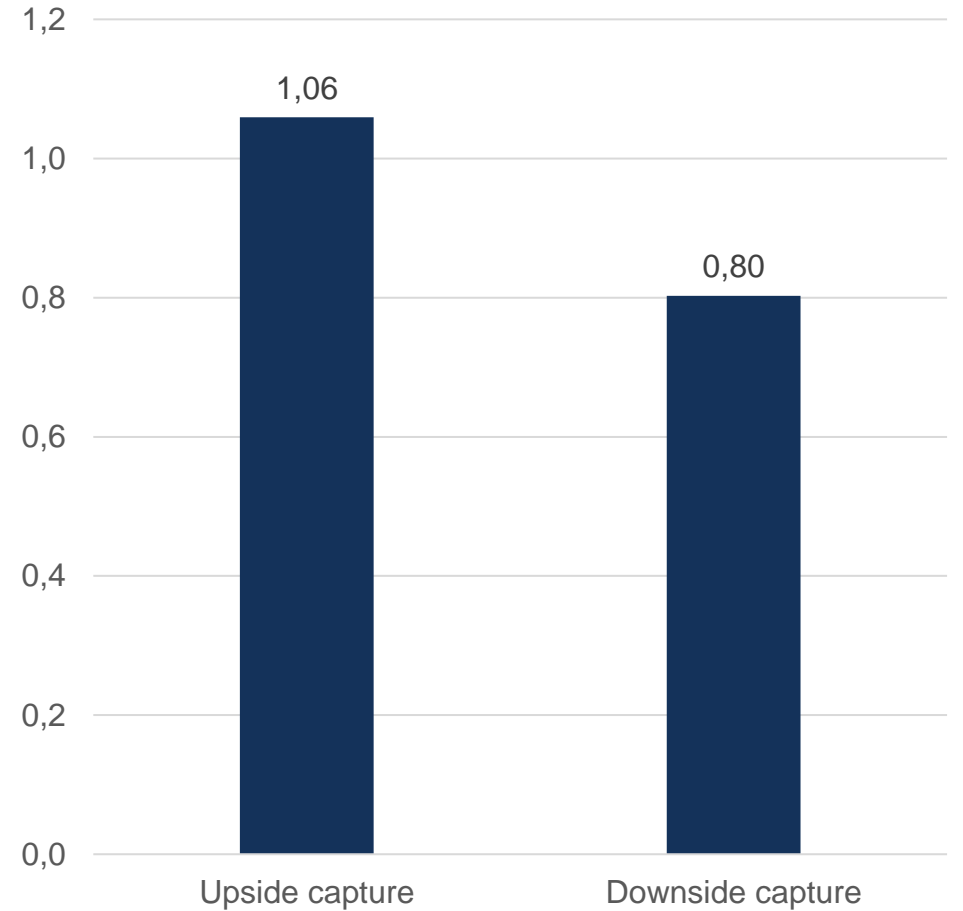
Hệ số Sharpe

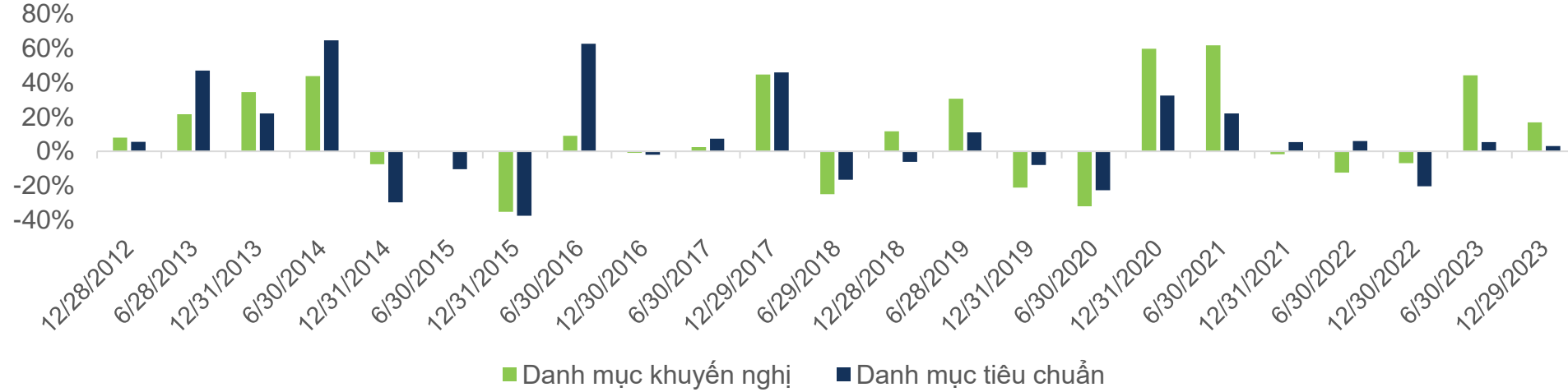
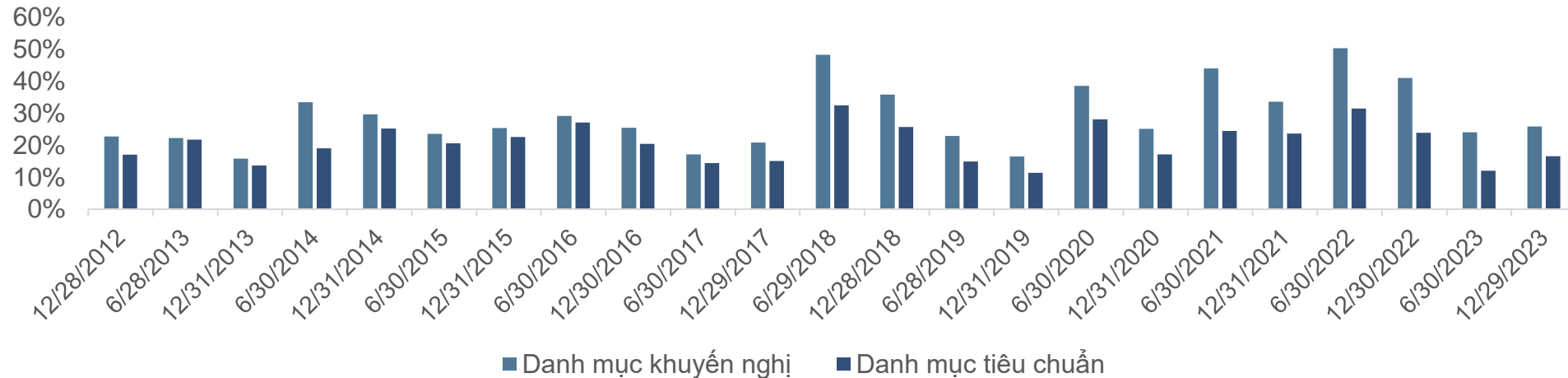


Hệ số Treynor



Up/down Capture



Chi tiết
Lợi nhuận trong các kỳ năm giữ

Rủi ro (độ biến động) trong các kỳ năm giữ


Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng	Lợi nhuận cổ phiếu	Lợi nhuận danh mục	Lợi nhuận danh mục tiêu chuẩn
6/29/2012	12/28/2012	PVS	100,00%	7,92%	7,92%	5,54%
12/28/2012	6/28/2013	PVS	100,00%	21,56%	21,56%	47,09%
6/28/2013	12/31/2013	PVS	100,00%	34,49%	34,49%	21,99%
12/31/2013	6/30/2014	PVS	100,00%	43,84%	43,84%	64,65%
6/30/2014	12/31/2014	PVS	62,54%	-4,57%	-7,47%	-29,81%
		PVD	37,46%	-12,33%		
12/31/2014	6/30/2015	PVS	100,00%	0,00%	0,00%	-10,39%
6/30/2015	12/31/2015	PVS	93,34%	-34,91%	-35,28%	-37,65%
		PVD	6,66%	-40,34%		
12/31/2015	6/30/2016	PVS	100,00%	8,98%	8,98%	62,63%
6/30/2016	12/30/2016	PVS	100,00%	-0,90%	-0,90%	-1,95%
12/30/2016	6/30/2017	PVS	100,00%	2,44%	2,44%	7,31%
6/30/2017	12/29/2017	PVS	100,00%	44,71%	44,71%	45,99%
12/29/2017	6/29/2018	PVS	100,00%	-24,97%	-24,97%	-16,66%
6/29/2018	12/28/2018	PVS	100,00%	11,67%	11,67%	-6,11%
12/28/2018	6/28/2019	PVS	100,00%	30,68%	30,68%	11,01%
6/28/2019	12/31/2019	PVS	100,00%	-21,17%	-21,17%	-8,05%

Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng	Lợi nhuận cổ phiếu	Lợi nhuận danh mục	Lợi nhuận danh mục tiêu chuẩn
12/31/2019	6/30/2020	PVS	100,00%	-32,00%	-32,00%	-22,79%
6/30/2020	12/31/2020	PVS	100,00%	59,76%	59,76%	32,47%
12/31/2020	6/30/2021	PVS	100,00%	61,80%	61,80%	22,08%
6/30/2021	12/31/2021	PVS	100,00%	-1,64%	-1,64%	5,34%
12/31/2021	6/30/2022	PVS	100,00%	-12,45%	-12,45%	5,97%
6/30/2022	12/30/2022	PVS	98,14%	-7,46%	-6,98%	-20,49%
		PVD	1,86%	18,28%		
12/30/2022	6/30/2023	PVS	49,63%	51,40%	44,28%	5,33%
		PVD	50,37%	37,25%		
6/30/2023	12/29/2023	PVS	34,54%	19,50%	16,89%	3,02%
		PVD	65,46%	15,51%		

Phân tích kịch bản thị trường

Dựa trên mô hình hồi quy tuyến tính*, ảnh hưởng của thị trường có thể giải thích được 49% hiệu suất của danh mục đầu tư với hệ số beta 1,54. Theo đó, coi các yếu tố khác không thay đổi, với các kịch bản giả định, tỷ suất sinh lời của danh mục có thể được thể hiện như dưới đây:

Kịch bản	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Điểm số VN-Index dự báo cuối kỳ	1.150	1.300	1.450
Điểm số VN-Index hiện tại	1.239	1.239	1.239
Mức sinh lời của thị trường	-7,18%	4,92%	17,03%
Mức sinh lời danh mục dự báo	-9,68%	8,98%	27,64%

* Lợi nhuận danh mục = a + b*Lợi nhuận VN-Index

Ý nghĩa của các chỉ số

- **Beta:** đo lường mối quan hệ giữa biến động giá của cổ phiếu/danh mục so với biến động chung của thị trường
- **Hệ số Sharpe:** chỉ số đánh giá hiệu suất tài chính của một danh mục đầu tư, là thước đo xác định mức lợi nhuận thu được vượt quá lợi nhuận phi rủi ro trên một đơn vị rủi ro khi đầu tư vào danh mục (rủi ro được đo lường bằng độ lệch danh mục).
- **Hệ số Information:** là thước đo lợi nhuận của danh mục vượt qua lợi nhuận của danh mục tiêu chuẩn so với sự biến động của những lợi nhuận vượt mức đó.
- **Hệ số Treynor:** chỉ số đánh giá hiệu suất tài chính của một danh mục đầu tư, là thước đo xác định mức lợi nhuận thu được vượt quá lợi nhuận phi rủi ro trên một đơn vị rủi ro hệ thống khi đầu tư vào danh mục (rủi ro được đo lường bằng hệ số beta).
- **Độ biến động:** chỉ tiêu thể hiện mức độ biến động của cổ phiếu/danh mục trong một khoảng thời gian nhất định, độ biến động thường được tính bằng độ lệch chuẩn của lợi nhuận.
- **Hệ số tương quan:** là chỉ số thống kê đo lường mức độ mạnh yếu của mối quan hệ tuyến tính giữa 2 cổ phiếu.
- **Rủi ro chủ động (Active risk):** đo lường mức độ biến động của danh mục đầu tư so với độ biến động của danh mục tiêu chuẩn
- **Up/Down capture:** đo lường mức độ hoạt động tốt hơn (tăng nhiều hơn hay giảm ít hơn) so với danh mục tiêu chuẩn trong các giai đoạn danh mục tiêu chuẩn tăng/giảm. Up capture đo lường hiệu suất của danh mục trong các thời điểm danh mục tiêu chuẩn tăng giá (giá trị lớn hơn 1 cho thấy danh mục đầu tư hoạt động tốt hơn danh mục tiêu chuẩn trong những khoảng thời gian lợi nhuận danh mục tiêu chuẩn dương). Down capture đo lường hiệu suất của danh mục trong các thời điểm danh mục tiêu chuẩn đi xuống (giá trị nhỏ hơn 1 cho thấy danh mục đầu tư đã thua lỗ ít hơn danh mục tiêu chuẩn trong những khoảng thời gian lợi nhuận danh mục tiêu chuẩn âm).

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Tại thời điểm thực hiện báo cáo phân tích, FPTTS, chuyên viên phân tích, người phê duyệt báo cáo hiện không nắm giữ cổ phiếu của các doanh nghiệp này.

Người thực hiện báo cáo
Trần Nguyễn Anh Tùng, CFA
Chuyên viên phân tích dữ liệu
Email: tungtna@fpts.com.vn
Tel: 1900 6446 – Ext: 4315

Người phê duyệt báo cáo
Nguyễn Thị Kim Chi
Giám đốc Phân tích đầu tư
Email: Chintk@fpts.com.vn

Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến các cổ phiếu này có thể được xem tại <https://ezsearch.fpts.com.vn> hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Bản quyền © 2010 Công ty Chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Trụ sở chính
52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ,
Hà Nội, Việt Nam.
ĐT: 1900 6446
Fax: (84.24) 3 773 9058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh
Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm,
phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 1900 6446
Fax: (84.28) 6 291 0607

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp. Đà Nẵng
Số 100, Quang Trung, Phường Thạch Thang,
Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT: 1900 6446
Fax: (84.23) 6 3553 888